TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2019/HS-ST
Ngày 18/9/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lường Ngọc Thông
Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Hải và bà Lê Thị Bống

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Ngoãn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La:*** Ông Hà Văn Nhẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 56/2019/TLST-HS ngày 08/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HS ngày 06/9/2019 đối với bị cáo **Phàng A S**, sinh ngày 23/10/1994, tại xã Làng Ch, huyện Bắc Y, tỉnh Sơn La, cư trú tại bản C , xã Làng Ch, huyện Bắc Y, tỉnh Sơn La, nghề nghiệp: lao động tự do, trình độ văn hóa: 9/12, dân tộc: Mông, giới tính: Nam, tôn giáo: không, Quốc tịch: Việt Nam, con ông Phàng Giồng D (đã chết) và bà Mùa Thị S, vợ là Mùa Thị Kh, có 03 con, tiền án, tiền sự: không, nhân thân: tốt, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2019 đến ngày xét xử, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại gồm có:

1.Thào Thị G , sinh ngày 18/6/2003, cư trú tại bản Suối B, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

2. Giàng Thị L, sinh ngày 10/3/2003, cư trú tại bản Suối K, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Vàng Thị N, cư trú tại bản Suối B, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, là mẹ đẻ của Thào Thị G, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Giàng A L, cư trú tại bản Suối K, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, là anh trai ruột của cháu Giàng Thị L, có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch: Ông Cầm Đình Cốc, cư trú tại Tiểu khu 7, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 4 năm 2019 Thào Thị G quen biết một người phụ nữ dân tộc Mông tên là X trên mạng facebook, X nói nhà ở huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La đang sinh sống cùng chồng tại Trung Quốc, X bảo G sang Trung Quốc làm thuê mỗi tháng họ trả tiền công từ 5.000^{đ} đến 6.000^{đ} nhân dân tệ, tương đương với 16 đến 20 triệu đồng Việt Nam, nghe vậy G đến nhà Giàng Thị L ở bản Suối K, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La chơi và rủ L cùng đi, L đồng ý. Khoảng 08 giờ ngày 14/4/2019 X gọi điện thoại từ bên Trung Quốc sang cho Phàng A S (X là em gái ruột của S) bảo xuống đón Thào Thị G ở Ngã Ba, xã Gia Phù, huyện Phù Yên đi Lào Cai, để X đưa sang Trung Quốc bán, X sẽ trả công cho 5.000.000^{đ} (Năm triệu đồng), S nói không có tiền đi xe thì X bảo sẽ gửi tiền qua Chi nhánh Viettel huyện Bắc Yên, đồng thời X gửi số điện thoại của S cho G và gửi số điện thoại của G cho S để tự liên lạc với nhau. Khoảng 07 giờ ngày 15/4/2019 X gọi điện thoại bảo S đã gửi tiền và bảo đến Chi nhánh Viettel rút tiền, nghe vậy S đến Chi nhánh Viettel huyện Bắc Yên rút được 1.583.000^{đ} (Một triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng). Khoảng 04 giờ sáng ngày 16/4/2019 S gọi điện cho G thì được biết G rủ thêm La cùng đi và đang trên đường xuống Ngã ba Gia Phù, huyện Phù Yên. Khoảng 05 giờ sáng cùng ngày S thuê xem ôm đi từ thị trấn Phù Yên đến Ngã ba Gia Phù và gọi điện thoại cho anh Lò Văn D lái xe Tắc xi nói là đưa vợ và em gái đi Tỉnh Lào Cai, trong lúc đứng đợi xe thì thấy G và L đến S gọi điện thoại cho X nói là có 02 người và đòi trả thêm tiền, X đồng ý. S đưa G và L đi xe tắc xi đến bến xe tỉnh Yên Bái rồi mua vé xe khách đi Thành phố Lào Cai rồi gọi điện hỏi X đường đi Trung Quốc và ai là người trả tiền, X bảo đưa sang bờ sông phía Trung Quốc sẽ có người đón và trả tiền, đồng thời gửi số điện thoại của người lái đò cho S, trong lúc đang ở bờ sông chờ đò thì bị lực lượng Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Lào Cai phát hiện bắt giữ Phàng A S cùng Thào Thị G và Giàng Thị La, thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 của Phàng A S.

Ngày 20/5/2019 Thào Thị G và ông Giàng A Lâu bố đẻ của cháu Giàng Thị La có đơn trình báo về hành vi của Phàng A S.

Ngày 24/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phàng A S và thu giữ 01 chiếc điện thoại di động của Phàng A S.

Kết luận giám định số 3167/C09-P6 ngày 08/7/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an chiếc điện thoại di động OPPO 2 SIM, SIM1 có số 898404800023968755 và SIM 2 có số 89840200021530004230.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKS-PY ngày 08/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, truy tố bị can Phàng A S về tội Mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi, theo điểm a khoản 1 Điều 150 và điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phàng A S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện ngày 16/4/2019.

Bị hại là cháu Thào Thị G và cháu Giàng Thị L trình bày nội dung vụ án như bị cáo trình bày tại phiên tòa, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của cháu Thào Thị G và cháu Giàng Thị L là Vàng Thị N và ông Giàng A L đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phàng A S như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 150; điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phàng A S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội Mua bán người và 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 12 năm đến 13 năm tù, đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong vật chứng của bị cáo.

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01chiếc điện thoại di động OPPO A37f, màu vàng, kèm theo 02 Sim điện thoại của Phàng A S.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu theo luật định.

Bị cáo tranh luận tại phiên tòa, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ S nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát

trình bày bản luận tội đối với các bị cáo, phạm tội Mua bán người, theo điểm a khoản 1 Điều 150 và điểm a khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng của vụ án thu được.

[4]. Đối với anh Lò Văn D lái xe tắc xi đưa Phàng A S, Thào Thị G và Giàng Thị L đi bến xe tỉnh Yên Bái nhưng anh D hoàn toàn không biết việc Phàng A S thuê xe với mục đích đưa người sang Trung Quốc để bán, lời khai của anh Dũng phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo, người bị hại. Do đó, anh D không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Ngày 19/4/2019 Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Lào Cai quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phàng A S với hình thức phạt tiền 30.000.000^{đ} (Ba mươi triệu đồng) về hành vi Tổ chức, đưa dẫn người khác Xất cảnh Việt Nam trái phép theo điểm đ khoản 6 Điều 17 NĐ-CP và xử phạt cảnh cáo đối với Thào Thị G và Giàng Thị L về hành vi qua lại biên giới Quốc Gia mà không làm thủ tục Xất cảnh, nhập cảnh theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 19/4/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; Phòng chống bạo lực gia đình là có căn cứ và đúng pháp luật.

Với những chứng cứ nêu trên, đủ cơ S khách quan để kết luận: Bị cáo Phàng A S phạm tội Mua bán người, theo điểm a khoản 1 Điều 150 và tội Mua bán người dưới 16 tuổi, theo điểm a khoản 1 Điều 151 của Bộ luật hình sự.

[6]. Đối với người có tên Trần Văn T có số điện thoại 84968826516 và số chứng minh nhân dân 187057844 là người gửi số tiền 1.583.000^{đ} qua Chi nhánh Viettel huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La cho Phàng A S, do không xác định được người đó ở đâu, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên đã xác minh, điều tra nhưng không xác định được cụ thể lai lịch của người đó.

[7]. Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự thiếu hiểu biết và nhẹ dạ của cháu Thào Thị G và Giàng Thị L để đưa sang Trung Quốc nhằm mục đích trao đổi, mua bán. Đặc biệt khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cháu Giàng Thị L chưa đủ 16 tuổi, mới được 15 tuổi 09 tháng 26 ngày, còn cháu Thào Thị G mới được 16 tuổi 01 tháng 06 ngày, ở độ tuổi này bị hại chưa phát triển đầy đủ về tâm, sinh lý cũng như về nhận thức, kỹ năng và kinh nghiệm sống, việc bị cáo không thực hiện được đến cùng là do nguyên nhân khách quan ngoài mong muốn của bị cáo. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, khi cân nhắc mức hình phạt cần xem xét, áp dụng quy định tại Điều 57 Bộ luật hình sự.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, môi trường sống còn nhiều lạc hậu, nhận thức pháp luật còn rất hạn chế, thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9]. Về nhân thân bị cáo: Chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không có tiền án, tiền sự.

[10]. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, tình hình thực tế tại địa phương trong những năm gần đây tội phạm về mua bán người xảy ra phức tạp, có chiều hướng gia tăng cả về số vụ, tính chất phức tạp trong các vụ án. Để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền), theo khoản 4 Điều 150 và khoản 4 Điều 151 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên qua điều tra, xác minh bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản để thi hành án phạt tiền. Do đó, không áp dụng đối với bị cáo.

[12]. Về áp dụng biện pháp ngân chặn: Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án hình sự theo quy định Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13]. Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc điện thoại di động OPPO A37f của Phàng A S dùng làn công cụ thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[14]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo không thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí, do đó phải chịu theo luật định.

Hội đồng xét xử sơ thẩm kiến nghị với cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên phối hợp với Công an tỉnh Sơn La tiếp tục điều tra, xác minh đối với người có tên là X đang định cư trái phép tại Trung Quốc là người trực tiếp trao đổi với bị cáo Phàng A S và Trần Văn T là người gửi tiền cho bị cáo vào Chi nhánh Viettel huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, có số điện thoại 84968826516 và số chứng minh nhân dân 187057844, nếu có căn cứ xác định người có tên X và Trần Văn T có liên quan đến hành vi Mua bán người của bị cáo thì phải được đưa ra xử lý kịp thời trước pháp luật, tránh để lọt người lọt tội trong vụ án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào dụng điểm a khoản 1 Điều 150; điểm a khoản 1 Điều 151, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 3 Điều 57, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ

luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc khóa 14.

2. Tuyên bố bị cáo Phàng A S phạm tội Mua bán người và tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

Xử phạt bị cáo Phàng A S 05 (Năm) năm tù về tội Mua bán người và 07 (Bảy) năm tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/5/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong vật chứng của bị cáo.

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01chiếc điện thoại di động OPPO A37f, màu vàng, kèm theo 02 Sim điện thoại có số thuê bao là 0859878607 và 0333998380 của Phàng A S.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000^{đ} (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện PhùYên;
- Hồ sơ THAHS;
- S Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Ngọc Thông